TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 109/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2021
V/v "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 794/2020/TLST– HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Viên Ngọc T, sinh năm 1974; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 52/3A, đường Tr, khóm Đ 1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1972; (vắng mặt).

Địa chỉ: Rạch Cầu T, khóm Đ 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Viên Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M do quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2009. Vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 06 năm nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông M không quan tâm gia đình, cờ bạc, bạo hành gia đình và bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra. Bà đã nói ông M nhiều lần nhưng ông M vẫn không sửa đổi và ông, bà ly thân từ năm 2018 cho đến nay; do tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn mục

đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn và chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông Võ Văn M.

- Về con chung: Bà T trình bày, bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M có 02 (hai) con chung tên Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 19/10/2012 và Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 24/10/2013. Sau khi ly hôn, bà Viên Ngọc T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Võ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn M không đến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Viên Ngọc T .

Nguyên đơn bà T vẫn không thay đổi nội dung yêu cầu và nội dung đã trình bày tại các phiên hòa giải, bà cho rằng đến nay tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn chút tình cảm nào với ông M nên bà yêu cầu ly hôn và chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông Võ Văn M; về con chung tên Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 19/10/2012 và Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 24/10/2013 bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T xác định không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án phù hợp quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Viên Ngọc T với ông Võ Văn M là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Nguyên đơn bà Viên Ngọc T có đơn ngày 22/4/2021 xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Quá trình giải quyết, ông Võ Văn M vắng mặt và không tham gia phiên tòa đến lần thứ hai không lý do, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay, tuy đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa bà Viên Ngọc T với ông Võ Văn M đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V Ngọc T và ông Võ Văn M .

[4] Về con chung: Bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M có 02 (hai) con chung tên Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 19/10/2012 và Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 24/10/2013. Hiện tại hai cháu sống với mẹ, từ lúc chị T và ông M không sống chung các cháu vẫn ở với mẹ và do mẹ nuôi dạy để đảm bảo quyền lợi ích của trẻ em và ông Võ Văn M không có tranh chấp. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 19/10/2012 và Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 24/10/2013 cho bà T tiếp tục nuôi dạy là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà Viên Ngọc T không yêu cầu ông Võ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Viên Ngọc T trình bày, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do ông Võ Văn M không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Viên Ngọc T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M .

[1] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M.

[2] Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 19/10/2012 và Viên Ngọc Huỳnh Th, sinh ngày 24/10/2013 cho bà Viên Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Bà cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.Việc nuôi con không cố định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Viên Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007848, ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên. (Bà T đã nộp đủ).

[5] Bà Viên Ngọc T và ông Võ Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huỳnh Bích Tuyền